

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÂN PHƯỚC  
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: **27/2022/HNGĐ-ST**  
Ngày 11-7-2022  
V/v “*tranh chấp ly hôn*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC, TỈNH TIỀN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Thạch Hải Âu.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Thanh Dũ.
2. Bà Trần Thị Thu Thảo.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Lê Minh Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:*** Không tham gia.

Vào ngày 11 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 83/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2022 về “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2022/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Phạm Thị Kim H**, sinh năm 1997.

Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Anh **Lê Văn T**, sinh năm 1997.

Nơi cư trú: Ấp M, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

(Chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh T vắng mặt tại phiên tòa)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 19/4/2022, Tờ tự khai ngày 31/5/2022, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị Kim H trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Kim H và anh Lê Văn T tự tìm hiểu

quen biết trước, được sự tác hợp của gia đình rồi tiến tới hôn nhân vào năm 2020. Anh, chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân P, huyện T, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 50 ngày 25/8/2020. Sau khi kết hôn, anh, chị sống chung gia đình anh T. Thời gian đầu hai vợ chồng đầm ấm, hạnh phúc. Khoảng thời gian sau, giữa anh, chị bắt đầu phát sinh mâu thuẫn dẫn đến thường xuyên cự cãi, gây gổ, nguyên nhân do anh T thường xuyên ăn nhậu, không chịu tìm việc làm. Sau nhiều lần tranh cãi, chị H đã dọn về nhà mẹ ruột sống. Anh T có đến nhà mẹ ruột của chị H để đón chị H về nhưng mâu thuẫn giữa vợ chồng vẫn không giải quyết được. Từ tháng 02/2022 âm lịch, chị H đã dọn về nhà mẹ ruột sống cho đến nay. Trong thời gian này, hai bên gia đình cũng có trao đổi nhưng không hàn gắn cho hai vợ chồng được. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không thể hàn gắn, chị Phạm Thị Kim H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Lê Văn T.

- Về con chung: Chị Phạm Thị Kim H và anh Lê Văn T chưa có con chung.
- Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có.

**\* Bị đơn anh Lê Văn T:**

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, anh Lê Văn T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, các tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện của chị Phạm Thị Kim H. Tuy nhiên anh T không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với ý kiến, yêu cầu của chị H và tại phiên tòa hôm nay, anh T vắng mặt lần thứ hai không lý do.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1]. *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Nguyên đơn chị Phạm Thị Kim H yêu cầu ly hôn với anh Lê Văn T; anh T có nơi cư trú tại ấp M, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là “*tranh chấp ly hôn*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. *Về sự vắng mặt của các đương sự:* Tại phiên tòa hôm nay, chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ vào Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị H và anh T.

[3]. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Phạm Thị Kim H và anh Lê Văn T tự tìm hiểu, quen biết trước, được sự tác hợp của hai gia đình rồi tiến tới hôn nhân vào năm 2020. Anh, chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh

Tiền Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 50 ngày 25/8/2020. Theo chị H trình bày, thời gian đầu hai vợ chồng chung sống đầm ấm, hạnh phúc. Khoảng thời gian sau, giữa anh, chị bắt đầu phát sinh mâu thuẫn dẫn đến thường xuyên cự cãi, gây gổ, nguyên nhân do anh T thường xuyên ăn nhậu, không chịu tìm việc làm. Sau nhiều lần tranh cãi, chị H đã dọn về nhà mẹ ruột sống. Anh T có đến nhà mẹ ruột của chị H để đón chị H về nhưng mâu thuẫn giữa vợ chồng vẫn không giải quyết được. Từ tháng 02/2022 âm lịch, chị H đã dọn về nhà mẹ ruột sống cho đến nay. Trong thời gian này, hai bên gia đình cũng có trao đổi nhưng không hàn gắn cho hai vợ chồng được.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cũng như các tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện của chị H cho anh Lê Văn T biết. Tòa án cũng đã triệu tập hợp lệ anh T hai lần để hòa giải hàn gắn tình cảm giữa anh, chị nhưng anh T đều vắng mặt không lý do cũng không có gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của chị H. Anh T đã biết việc chị H khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh nhưng anh không có ý kiến phản đối yêu cầu đó. Như vậy, hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, căn cứ vào Khoản 1 Điều 51 và Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn anh Lê Văn T của chị Phạm Thị Kim H.

[4]. *Về con chung*: Chị Phạm Thị Kim H và anh Lê Văn T không có con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị Phạm Thị Kim H trình bày không có tài sản chung, nợ chung; Anh Lê Văn T cũng không có ý kiến gì đối với lời trình bày này, không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6]. *Về án phí*: Chị Phạm Thị Kim H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7]. *Về quyền kháng cáo*: Chị Phạm Thị Kim H và anh Lê Văn T có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

### **Căn cứ vào:**

- Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 266, 267, 271, 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn,

giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Kim H. Cho ly hôn giữa chị Phạm Thị Kim H và anh Lê Văn T.

**2. Về con chung:** Chị Phạm Thị Kim H và anh Lê Văn T không có con chung.

**3. Về án phí:** Chị Phạm Thị Kim H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai thu số 0003037 ngày 09/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Tiền Giang, xem như chị H đã thi hành xong nghĩa vụ chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

**4. Về quyền kháng cáo:** Chị Phạm Thị Kim H và anh Lê Văn T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang giải quyết lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

**5.** Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phước;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã P;
- Các đương sự:
  - + Phạm Thị Kim H;
  - + Lê Văn T.
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Thạch Hải Âu**